TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DSPT
Ngày: 26/6/2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính
Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLPT-DS ngày 03/4/2023 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2023/QĐ-PT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 282, đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Đăng Ch – Văn phòng Luật sư Luật và Phát triển, đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 302A, số 93A Phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Quan hệ giữa anh Nguyễn Văn Ch và anh Nguyễn Xuân H là người sinh sống cùng khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi thỏa thuận hai bên đi đến thỏa thuận ký kết một "hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản" ngày 01/5/2021 ký kết giữa hai bên nhận đặt cọc là anh Nguyễn Xuân H và bên đặt cọc là anh Nguyễn Văn Ch với số tiền 1.280.000.000đ, mục đích đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 151, tờ bản đồ 8, diện tích 149,7m^2; địa chỉ khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H, giá trị để mua bán tài sản với giá chuyển nhượng là 1.960.000.000đ. Tại thời điểm hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bên đặt cọc chỉ còn phải thanh toán cho bên nhận đặt cọc số tiền 680.000.000đ; thời hạn đặt cọc là 01 năm kể từ thời điểm các bên ký hợp đồng (ngày 01/5/2021). Lý do thời hạn đặt cọc 01 năm vì để anh H có thời gian giải quyết dứt điểm phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cho anh Ch. Đến thời hạn đặt cọc anh H không đồng ý chuyển nhượng tài sản theo giá đã thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc mà yêu cầu tính theo giá mới theo giá thị trường hiện tại cao hơn giá thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc. Do đó, anh Ch không đồng ý với yêu cầu của anh H nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án để bảo vệ quyền lợi. Hợp đồng đặt cọc ngày 01/5/2021 được ký kết thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của bên đặt cọc và bên nhận đặt cọc. Ngoài ra, trong hợp đồng đặt cọc, tại điểm c Điều 3.1 ghi "nhận lại số tiền đặt cọc và một khoản tiền bằng 200% số tiền đặt cọc nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc chuyển nhượng tài sản".

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đặt cọc 1.280.000.000đ và tiền phạt cọc là 200% số tiền đặt cọc là 2.560.000.000đ (có thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc), tổng số tiền đặt cọc và phạt cọc là 3.840.000.000đ. Căn cứ yêu cầu là "hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản" hai bên cùng ký ngày 01/5/2021.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh xác nhận giữa anh và anh Nguyễn Văn Ch có thỏa thuận và lập "hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản" được ký vào ngày 01/5/2021. Anh xác nhận chữ viết và chữ ký của anh trong hợp đồng đặt cọc (bên A- bên nhận đặt cọc, ký tên) ngày 01/5/2021 là đúng chữ viết, chữ ký của anh. Nội dung hợp đồng đặt cọc anh đồng ý nhận số tiền đặt cọc 1.280.000.000đ của bên đặt cọc là anh

Nguyễn Văn Ch để chuyển nhượng thửa đất số 151, tờ bản đồ 8, diện tích 149,7m^2; địa chỉ khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H. Về nguồn gốc thửa đất số 151, tờ bản đồ 8, diện tích 149,7m^2; địa chỉ khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H do mẹ anh bà Nguyễn Thị B làm văn bản cho anh, anh làm thủ tục tách thửa và xin cấp GSNQSD đất. Ngày 20/5/2008, anh được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 149,7m^2. Năm 2000, anh kết hôn với chị Phạm Thị Ch. Năm 2011, anh và chị Ch xây dựng được một ngôi nhà 02 tầng diện tích 80m^2 trên thửa đất. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, năm 2018 chị Ch và anh làm thủ tục ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 315/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 04/9/2018. Về tài sản chung của vợ chồng anh là ngôi nhà 02 tầng xây trên thửa đất chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H khẳng định thửa đất số 151, tờ bản đồ số 8; địa chỉ tại khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh là tài sản riêng của anh. Năm 2021, anh và chị Ch đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại bản án số 13/2022/HNGĐ- ST ngày 14/02/2022, Tòa án đã quyết định: " Xác nhận tài sản chung của anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Ch gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng thuộc nhà cấp 3 loại 7 trị giá là 323.240.580đ được xây dựng trên thửa đất số 151, tờ bản đồ số 8 tại khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H. Giao cho anh H được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng trị giá là 323.240.580đ được xây trên thửa đất số 151, tờ bản đồ số 8 tại khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H. Anh H có trách nhiệm trích trả chị Phạm Thị Ch số tiền 200.000.000đ".

Nay anh Ch khởi kiện yêu cầu anh thanh toán số tiền đặt cọc 1.280.000.000đ và tiền phạt cọc là 200% số tiền đặt cọc là 2.560.000.000đ (có thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc), tổng số tiền đặt cọc và phạt cọc là 3.840.000.000đ. Căn cứ yêu cầu theo như hợp đồng đặt cọc hai bên ký ngày 01/5/2021, anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Ch vì anh không nhận được tiền đặt cọc, anh không biết nội dung hợp đồng đặt cọc viết gì, do anh không hiểu biết pháp luật đã ký nhưng chữ ký bên A- bên nhận tiền đặt cọc ký tên Nguyễn Xuân H là đúng chữ ký, chữ viết của anh do anh tự nguyện ký, không bị ai ép buộc ký.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ các Điều 119, 328, 398, 400, 401 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Xuân H phải trả anh Nguyễn Văn Ch số tiền đặt cọc là 1.280.000.000đ và tiền phạt cọc 2.560.000.000đ; Tổng cộng là 3.840.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, bị đơn là anh Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng số tiền 650.000.000 đồng anh Ch cho anh H vay đây là quan hệ vay tài sản vào cuối năm 2018 đến tháng 7/2019 và được đưa làm nhiều lần, sau đó anh H không trả được cho anh Ch nên đã được hợp thức hóa bằng hợp đồng đặt cọc ngày 25/7/2019. Đến ngày 21/01/2021, đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 15/2021/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh. Đối tượng hợp đồng đặt cọc ngày 01/5/2021 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đây là tài sản chung của anh H và chị Ch chưa được phân chia nên không thể thực hiện được việc mua bán, chuyển nhượng. Do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận anh H đã trả 650.000.000đồng do vậy anh H không phải trả cho anh Ch khoản tiền trên. Anh H xác định không nhận tiền đặt cọc của anh Ch theo hợp đồng ngày 01/5/2021 nên không có cơ sở để buộc anh H phải trả tiền cọc cho anh Ch số tiền 1.280.000.000đồng và tiền phạt cọc vì anh Ch không xuất trình được giấy tờ xác nhận anh H đã nhận số tiền cọc của anh Ch là 1.280.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tuyên hủy bản án sơ thẩm số: 42/2022 ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản ký kết giữa anh Ch và anh H ngày 01/5/2021 vô hiệu và việc xử lý giao dịch vô hiệu do giả tạo. Bị đơn đồng ý với quan điểm của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là

đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 30/12/2022 anh Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo quá hạn. Ngày 20/02/2023, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của anh Nguyễn Xuân H. Do vậy, đơn kháng cáo của anh H được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Giữa anh Nguyễn Văn Ch và anh Nguyễn Xuân H có thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 151, tờ bản đồ số 8, diện tích 149,7m^2 tại khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Xuân H với giá là 1.960.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng, hai bên đã ký hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản ngày 01/5/2021 với số tiền đặt cọc là 1.280.000.000 đồng. Nội dung đặt cọc tại thời điểm hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bên đặt cọc chỉ còn phải thanh toán cho bên nhận đặt cọc số tiền 680.000.000đ. Thời hạn đặt cọc 01 năm kể từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng đặt cọc. Lý do thời hạn đặt cọc 01 năm là để anh H có thời gian giải quyết dứt điểm phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cho anh Ch. Hai bên thoả thuận nếu bên nhận cọc không thể làm thủ tục chuyển nhượng cho bên đặt cọc tài sản thì phải trả tiền cho bên đặt cọc và chịu nộp phạt một khoản tiền bằng 200% số tiền đặt cọc.

Do sau khi giải quyết việc phân chia tài sản chung giữa anh H và chị Ch xong nhưng anh H không làm thủ tục chuyển nhượng tài sản cho anh Ch theo như hợp đồng đặt cọc đã ký kết nên anh Ch khởi kiện đề nghị Toà án buộc anh H phải trả tổng số tiền là: 3.840.000.000 đồng, trong đó 1.280.000.000 đồng tiền đặt cọc và 2.560.000.000 đồng tiền phạt cọc. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh H phải trả cho anh Ch số tiền là 3.840.000.000 đồng.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, anh H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Xuân H, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Anh H kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm không đưa chị Ch vào tham gia tố tụng là đưa thiếu người tham gia tố tụng. Xét thấy, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 315/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2018 và bản án số 13/2022/HNGĐ- ST ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh về việc phân chia tài sản chung xác định anh H đã hoàn tất thủ tục ly hôn và phân chia tài sản chung với chị Phạm Thị Ch. Quyết định và bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nên có căn cứ xác định thửa đất số 151, bản đồ số 8 diện tích 149,7m^2 tại khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của anh Nguyễn Xuân H. Do vậy, anh H có toàn quyền quyết định việc chuyển nhượng đối với thửa đất này. Tại thời điểm anh Ch khởi kiện Quyết định và bản án trên đã có hiệu lực pháp luật do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Phạm Thị Ch tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp, do đó yêu cầu kháng cáo này của anh H không có căn cứ.

[3.2] Xem xét đối với Hợp đồng đặt cọc giữa anh H và anh Ch:

Hợp đồng đặt cọc ngày 01/5/2021, anh Nguyễn Văn Ch và anh Nguyễn Xuân H cùng thỏa thuận thời hạn đặt cọc 01 năm từ thời điểm các bên ký hợp đồng vì để anh H có thời gian giải quyết dứt điểm phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H với chị Ch và hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cho anh Ch. Do vậy, cả anh Ch và anh H cùng thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng đặt cọc "do chưa giải quyết xong việc phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của bên A (anh H) nên chưa thể hoàn thành việc chuyển nhượng nhưng anh H mong muốn chuyển nhượng cho bên B (anh Ch) phần tài sản của mình sau khi hoàn thành việc giải quyết phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân". Tại bản án số 13/2022/HNGĐ- ST ngày 14/02/2022, vợ chồng anh H đã được Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết phân chia tài sản chung. Và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bị đơn vẫn không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 151, tờ bản đồ 8, diện tích 149,7m^2; địa chỉ khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Xuân H. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện việc chuyển nhượng nhưng bị đơn không thực hiện. Lý do bị đơn đề xuất với nguyên đơn chuyển nhượng thửa đất trên với giá trị thửa đất theo giá thị trường hiện nay, tức là giá cao hơn giá thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc ngày 01/5/2021 nên anh Ch không đồng ý và làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án để bảo vệ quyền lợi.

Lỗi dẫn đến vi phạm hợp đồng đặt cọc hoàn toàn là của bị đơn, nguyên đơn yêu cầu phạt cọc đối với số tiền là 2.560.000.000đ, tổng số tiền đặt cọc và phạt cọc

là 3.840.000.000đ, theo như thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết là phù hợp và có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo anh H cho rằng khi ký kết hợp đồng đặt cọc ngày 01/5/2021 anh không nhận bất cứ khoản tiền cọc nào từ anh Ch. Tuy nhiên, anh xác nhận chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng tài sản là đúng của anh. Anh cho rằng anh bị đe doạ và bắt anh ký vào một tờ giấy trắng nhưng anh không đưa ra được căn cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Với các phân tích trên có thể thấy bản án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ch là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Anh H kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh nhưng anh H không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình nên cần bác toàn bộ kháng cáo của anh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 328, Điều 398, Điều 400, Điều 401 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Xuân H phải trả anh Nguyễn Văn Ch số tiền đặt cọc là 1.280.000.000đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền phạt cọc 2.560.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng*); Tổng cộng là 3.840.000.000đ (*Ba tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng*)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 108.800.000đ (*Một trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0001788 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Nguyễn Văn Ch không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Nguyễn Văn Ch 54.400.000đ (*Năm mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2019/0001282 ngày 14/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam